

Số: 07 /QĐ-TTYT

Đạ Huoai, ngày 29 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 Của Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐẠ HUOAI

Căn cứ Nghị định số : 163/QĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số :61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ .

Căn cứ Quyết định số : 689 /QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh lâm Đồng V/v : Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Huyện Đạ Huoai.

Căn cứ Quyết định số 1614 /QĐ-SYT ngày 29/12/2023 của Sở Y tế Lâm Đồng V/v : Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho Trung tâm Y tế Huyện Đạ Huoai;

Xét đề nghị của phòng tài chính – Kế toán .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai (Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký .

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính - Kế toán và trưởng các khoa, phòng, trạm y tế thuộc Trung tâm Y tế tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở y tế (Báo cáo)
- GD, các phó GD
- các khoa, phòng, TYT.
- Lưu: VT, TCKT

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Thọ

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 07 /QĐ - TTYT ngày 29 tháng 01 năm 2024 của TTYT Đạ Huoai)

Đơn vị: Trung tâm Y tế Đạ Huoai

Mã số: 1066091

CHƯƠNG 423

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Hệ điều trị	Hệ dự phòng	Hệ xã	Dân số, kế hoạch hóa gia đình			Y tế thôn bản	Cộng tác viên dân số			Hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo	Kinh phí bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh
			Khoản 132	Khoản 131	Khoản 132	Cộng Khoản 151	Khoản 151 huyện	Khoản 151 xã	Khoản 139	Khoản 151 Cộng	Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên	Thôn có từ 350 hộ gia đình trở xuống	Khoản 139	Khoản 132
A	Dự toán thu	10.760	10.760	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	9.490	9.490			-				-				
	- Thu hoạt động sự nghiệp	1.270	1.270			-				-				
	- Thu khác	-				-				-				
B	Dự toán chi	40.229	25.176	4.501	7.145	1.840	624	1.215	335	352	9	343	800	80
I	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước	29.469	14.416	4.501	7.145	1.840	624	1.215	335	352	9	343	800	80
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	27.464	14.416	3.728	7.145	1.840	624	1.215	335	-	-	-	-	-
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	19.325	10.415	2.441	5.046	1.146	401	744	277					

STT	Nội dung	Tổng cộng	Hệ điều trị	Hệ dự phòng	Hệ xã	Dân số, kế hoạch hóa gia đình			Y tế thôn bản	Cộng tác viên dân số			Hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo	Kinh phí bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh
			Khoản 132	Khoản 131	Khoản 132	Cộng Khoản 151	Khoản 151 huyện	Khoản 151 xã	Khoản 139	Khoản 151 Cộng	Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên	Thôn có từ 350 hộ gia đình trở xuống	Khoản 139	Khoản 132
	<i>theo mức 1.490.000 đồng</i>													
	<i>- Bổ sung chênh lệch Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo mức 1.490.000 đồng từ mức 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng</i>	4.021	2.167	508	1.050	238	83	155	58					
	<i>- Chi thường xuyên</i>	4.118	1.834	779	1.049	456	140	316		-	-	-	-	-
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.005	-	773	-	-	-	-	-	352	9	343	800	80
	<i>- Phụ cấp cộng tác viên dân số</i>	352					-			352	9	343		
	<i>- Kinh phí hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo</i>	-				-	-			-				
	<i>- Kinh phí hoạt động Y tế - Dân số</i>	773		773		-	-			-				

STT	Nội dung	Tổng cộng	Hệ điều trị	Hệ dự phòng	Hệ xã	Dân số, kế hoạch hóa gia đình			Y tế thôn bản	Cộng tác viên dân số			Hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo	Kinh phí bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh
			Khoản 132	Khoản 131	Khoản 132	Cộng Khoản 151	Khoản 151 huyện	Khoản 151 xã	Khoản 139	Khoản 151 Cộng	Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên	Thôn có từ 350 hộ gia đình trở xuống	Khoản 139	Khoản 132
	- Kinh phí bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	80												80
	- Kinh phí hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo	800											800	
II	Dự toán chi từ nguồn thu được để lại	10.760	10.760			-	-			-				

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC
HOẠT ĐỘNG Y TẾ - DÂN SỐ NĂM 2024**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung giao dự toán/ chi tiết	Số tiền
Tổng cộng		773.000.000
A	Hoạt động Y tế - Dân số	773.000.000
1	<i>Kinh phí phòng chống dịch lưu hành tại địa phương, dịch mới nổi và phòng chống thiên tai thảm họa</i>	186.040.900
	<i>Chương trình Phòng chống dịch lưu hành tại địa phương</i>	163.040.900
	<i>Phòng chống thiên tai, thảm họa, ứng phó với biến đổi khí hậu</i>	23.000.000
2	<i>Kinh phí phòng chống một số bệnh truyền nhiễm</i>	84.000.000
	<i>Hoạt động phòng, chống lao</i>	1.000.000
	<i>Hoạt động phòng, chống phong</i>	2.000.000
	<i>Hoạt động phòng, chống sốt rét</i>	4.000.000
	<i>Hoạt động phòng chống sốt xuất huyết</i>	77.000.000
3	<i>Kinh phí phòng chống một số bệnh không lây nhiễm phổ biến</i>	70.000.000
	<i>Hoạt động phòng, chống ung thư</i>	9.500.000
	<i>Hoạt động phòng chống tăng huyết áp</i>	5.000.000
	<i>Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường</i>	55.500.000
5	Tiêm chủng mở rộng	39.000.000
6	Dân số và phát triển	103.828.000
	Duy trì mức sinh thay thế, tỷ số giới tính khi sinh	72.228.000
	<i>Nâng cao chất lượng dân số</i>	22.600.000
	<i>Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi</i>	9.000.000

STT	Nội dung giao dự toán/ chi tiết	Số tiền
8	Hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh	14.400.000
9	Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	36.400.000
	<i>Nhóm hoạt động I - Dinh dưỡng trẻ em</i>	32.400.000
	<i>Nhóm hoạt động II - Vitamin A</i>	4.000.000
11	Phòng, chống HIV/AIDS	34.000.000
12	Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	40.000.000
18	Vệ sinh môi trường	6.400.000
19	Thông tin, truyền thông Y tế	158.931.100
	<i>Thông tin, truyền thông Y tế lĩnh vực Y tế dự phòng</i>	120.571.100
	<i>Thông tin, truyền thông y tế lĩnh vực atvstp</i>	25.400.000
	<i>Thông tin, truyền thông Y tế lĩnh vực Dân số phát triển</i>	12.960.000